

Số: 16 /2022/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 28 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành Văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 108/2020/NĐCP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng

5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 181/2005/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định về phân loại, xếp hạng các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 376/TTr-SNV ngày 28 tháng 01 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2022 và thay thế Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Ke*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (50b).

E/Hải-VX/3.2022

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Cao Tiến Dũng



QUY ĐỊNH

Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa

(Kèm theo Quyết định số 16 /2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nội dung, hình thức, phương pháp đánh giá và quy trình đánh giá, hồ sơ đề nghị công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Ban Quản lý Khu công nghệ cao công nghệ sinh học (sau đây gọi chung là các cơ quan), các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi chung là đơn vị) và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện).

Điều 2. Mục đích, yêu cầu

1. Việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm nhằm giúp các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp huyện phát huy những mặt ưu điểm, tích cực, kịp thời khắc phục những mặt còn hạn chế, yếu kém; đề ra các giải pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả công tác, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức hợp lý.

2. Thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đồng thời gắn trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

3. Làm cơ sở để bình xét thi đua cho các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp huyện và đánh giá phân loại công chức, viên chức; đánh giá việc thực hiện chức trách nhiệm vụ của công chức, viên chức thuộc các bộ phận chuyên môn.

Điều 3. Nguyên tắc đánh giá

1. Công tác đánh giá phải đảm bảo khách quan, khoa học, công khai, công bằng, dân chủ, phản ánh đúng những kết quả đã đạt được trong năm của cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Việc đánh giá, thẩm định trên cơ sở tài liệu kiểm chứng cụ thể có xác nhận của cấp có thẩm quyền; trường hợp không có tài liệu kiểm chứng trực tiếp, thủ trưởng các đơn vị thực hiện báo cáo giải trình, nêu rõ lý do cụ thể tương ứng với mức độ, kết quả đánh giá.

3. Kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ là cơ sở đánh giá, bình xét thi đua, khen thưởng.

4. Đối với các nội dung tại Tiêu chí (trừ tiêu chí kết quả chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính) mà các cơ quan, đơn vị, địa phương không phát sinh trong năm thì được điểm tối đa.

Điều 4. Thang điểm đánh giá, xếp loại của các cơ quan, đơn vị theo thang điểm

1. Đánh giá mức “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” khi cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp huyện đạt từ 90 điểm trở lên;

2. Đánh giá mức “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” khi cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp huyện đạt từ 80 đến dưới 90 điểm;

3. Đánh giá mức “Hoàn thành nhiệm vụ” khi cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp huyện đạt từ 60 đến dưới 80 điểm;

4. Đánh giá mức “Không hoàn thành nhiệm vụ” khi cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp huyện đạt dưới 60 điểm.

Chương II

HÌNH THỨC, PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG

Điều 5. Các hình thức đánh giá

1. Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong nội bộ

2. Đánh giá theo chức năng quản lý chuyên ngành

3. Đánh giá kết quả thực hiện cuối năm

Điều 6. Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong nội bộ

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo quy định, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng, ban hành Bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực thi công vụ trong nội bộ đơn vị.

2. Bộ tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc là hệ thống các tiêu chí cụ thể để tổng hợp, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc theo kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng phòng, ban, đơn vị. Lưu ý, các tiêu chí đánh giá phải đảm bảo tính định lượng và phù hợp với đặc điểm, yêu cầu chức năng nhiệm vụ của từng phòng, ban, đơn vị.

3. Căn cứ bộ tiêu chí đánh giá nội bộ được ban hành, các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện theo dõi, tổng hợp và đánh giá kết quả thực thi nhiệm vụ làm cơ sở để xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc và công chức, viên chức.

4. Công tác đánh giá nội bộ được thực hiện thường xuyên (06 tháng và năm).

Điều 7. Đánh giá theo chức năng quản lý chuyên ngành

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện giám sát - đánh giá các nội dung thuộc chức năng quản lý chuyên ngành như sau:

- a) Sở Tài chính giám sát - đánh giá nội dung quản lý tài chính, tài sản;
- b) Sở Tư pháp giám sát - đánh giá nội dung công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật; quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật.
- c) Sở Kế hoạch và Đầu tư giám sát - đánh giá công tác lập kế hoạch, quản lý đầu tư, giải ngân vốn đầu tư công.
- d) Thanh tra tỉnh giám sát - đánh giá công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và công tác phòng, chống tham nhũng.
- đ) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh giám sát - đánh giá kết quả thực hiện: Công tác báo cáo; việc chấp hành các ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh; kết quả thực hiện các nhiệm vụ do Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao; tổng hợp và công bố các văn bản biểu dương, văn bản phê bình hoặc các văn bản khác liên quan đến việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính.

e) Sở Nội vụ giám sát - đánh giá công tác quản lý công chức, viên chức; tổ chức bộ máy - biên chế, thi đua khen thưởng, văn thư lưu trữ, tôn giáo và chính quyền cơ sở.

g) Sở Khoa học và Công nghệ giám sát - đánh giá nội dung ứng dụng khoa học công nghệ, thực hiện các đề tài, đề án (nếu có).

h) Sở Thông tin và Truyền thông giám sát - đánh giá nội dung ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành.

i) Ngoài các đơn vị nêu trên, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh còn lại thực hiện đánh giá theo chức năng quản lý chuyên môn đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện và một số đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có liên quan.

2. Các cơ quan chuyên môn có chức năng giám sát - đánh giá tại Khoản 1 Điều này dựa trên cơ sở theo dõi, quản lý, kiểm tra kết quả thực hiện để đánh giá mức độ thực hiện của các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cụ thể:

a) Đối với các đơn vị quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, h Khoản 1 Điều này: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Đối với các đơn vị quy định tại điểm i Khoản 1 Điều này: Thực hiện đánh giá kết quả thực hiện đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện và một số đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có liên quan.

3. Các cơ quan chuyên môn được giao chức năng giám sát, đánh giá chuyên ngành quy định tại Khoản 1 Điều này có trách nhiệm *lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan trước khi ban hành tiêu chí* và công khai tiêu chí đánh giá theo chức năng quản lý chuyên ngành để các cơ quan, đơn vị biết chậm nhất trước ngày 01 tháng 3 hàng năm (*đối với trường hợp ban hành mới hoặc điều chỉnh, bổ sung*); chịu trách nhiệm với nội dung đơn vị đánh giá.

4. Các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ kết quả đánh giá theo chức năng quản lý chuyên ngành để tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ liên quan của nội bộ đơn vị và để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thẩm định kết quả thực hiện các nhiệm vụ có liên quan của các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 8. Tiêu chí, nội dung và phương pháp đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ cuối năm đối với các sở ban ngành

1. Tiêu chí 01: Kết quả tham mưu quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ quy định (tổng tối đa 50 điểm)

a) Đối với việc thực hiện các đề án, chương trình, kế hoạch theo Chương trình Công tác năm của đơn vị (tối đa 25 điểm)

a1. Nội dung và nguyên tắc đánh giá

- Các cơ quan rà soát Đề án, Chương trình, Kế hoạch phải tham mưu Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh (*không thực hiện đánh giá đối với các Kế hoạch, Chương trình, Đề án nội bộ của đơn vị và các nội dung triển khai thực hiện Kế hoạch, Báo cáo theo các Đề án, Chương trình, Kế hoạch không do đơn vị chủ trì tham mưu chính*); đánh giá kết quả triển khai thực hiện lũy kế đến thời điểm đánh giá theo các mức A+, A, B, C tương ứng các yêu cầu đạt được. Trường hợp các Đề án, Chương trình, Kế hoạch vừa tham mưu ban hành (chưa thực hiện báo cáo kết quả thực hiện lần đầu tại thời điểm đánh giá), đề nghị đơn vị đánh giá sự kịp thời trong quá trình tham mưu theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Việc đánh giá, phân loại được thực hiện theo bốn mức A+, A, B, C trên cơ sở đảm bảo đạt năm (05) yêu cầu: Kịp thời; đầy đủ; chất lượng; có theo dõi, báo cáo kết quả và đề xuất, kiến nghị cải tiến; cụ thể:

+ Đề án, Chương trình, Kế hoạch đáp ứng 05 yêu cầu được đánh giá mức A+.

+ Đề án, Chương trình, Kế hoạch đáp ứng 04 yêu cầu được đánh giá mức A.

+ Đề án, Chương trình, Kế hoạch đáp ứng 03 yêu cầu được đánh giá mức B.

+ Đề án, Chương trình, Kế hoạch đáp ứng dưới 03 yêu cầu được đánh giá mức C.

- Tài liệu kiểm chứng: Các đề án, chương trình, kế hoạch; báo cáo kết quả triển khai thực hiện của đơn vị; báo cáo giải trình các yêu cầu đạt được và các văn bản khác có liên quan. Trường hợp đơn vị đánh giá mức độ A+, đề nghị có báo cáo giải trình lý do hoặc đề xuất cải tiến cụ thể.

a2. Phương pháp đánh giá:

- Cách tính điểm: Mức A+: 3 điểm; mức A: 2 điểm; mức B: 1 điểm; mức C: 0 điểm

- Điểm tổng (a) = [(Tổng số điểm của các đề án, chương trình, kế hoạch đạt được) : (Tổng số điểm tối đa của tiêu chí)] x 25.

b) Kết quả hoàn thành việc tham mưu thực hiện các nhiệm vụ do Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh giao ngoài Chương trình Công tác năm (tối đa 25 điểm)

b1. Nội dung và nguyên tắc đánh giá

- Kết quả được đánh giá trên kết quả hoàn thành các nhiệm vụ do Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

- Tài liệu kiểm chứng: Bảng kê danh sách các nhiệm vụ được giao của các cơ quan và kết quả đánh giá hoàn thành nhiệm vụ do Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp.

b2. Phương pháp đánh giá:

Điểm tổng (b) = (Tổng số nhiệm vụ tham mưu đã hoàn thành: Tổng số nhiệm vụ tham mưu được giao) x 25.

c) Tổng điểm Tiêu chí 01 bằng Tổng điểm của mục (a) và mục (b) nêu trên.

2. Tiêu chí 02: Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính (Tối đa 30 điểm)

a) Nội dung và nguyên tắc đánh giá

- Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của cơ quan được xác định thông qua kết quả đánh giá chỉ số cải cách hành chính theo Bộ chỉ số Cải cách hành chính do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

- Căn cứ kết quả tổng số điểm tự đánh giá chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan trong năm để xác định số điểm đạt được đối với tiêu chí này.

- Tài liệu kiểm chứng: Kết quả tự đánh giá chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan.

b) Phương pháp đánh giá: Điểm tiêu chí 02 = [Tổng số điểm cải cách hành chính của đơn vị x 30] : 100

3. Tiêu chí 03: Kết quả thực hiện các công tác nội bộ của các cơ quan (Tổng điểm tối đa 10 điểm)

a) Nội dung và nguyên tắc đánh giá

- Công tác đánh giá kết quả thực hiện các công việc trong nội bộ của cơ quan, gồm:

+ Quản lý tài chính, tài sản;

+ Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật; quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật;

+ Lập và thực hiện kế hoạch, quản lý đầu tư, giải ngân vốn đầu tư công;

+ Giải quyết khiếu nại, tố cáo; Phòng chống tham nhũng;

+ Tổng hợp, báo cáo;

+ Quản lý công chức, viên chức; tổ chức bộ máy, biên chế; thi đua khen thưởng; văn thư lưu trữ; công tác dân vận chính quyền; Quy chế dân chủ; dân vận chính quyền;

+ Ứng dụng khoa học công nghệ, thực hiện các đề tài, đề án (nếu có);

+ Ứng dụng công nghệ thông tin.

- Cơ quan tự đánh giá kết quả thực hiện các nội dung công tác nội bộ để tự nhận xét; kết quả đánh giá, phân loại theo bốn mức A+, A, B, C trên cơ sở đảm bảo đạt các yêu cầu: Kịp thời; đầy đủ; chất lượng; có theo dõi, báo cáo kết quả và đề xuất cải tiến, cụ thể:

+ Đáp ứng 05 yêu cầu được đánh giá mức A+.

+ Đáp ứng 04 yêu cầu được đánh giá mức A.

+ Đáp ứng 03 yêu cầu được đánh giá mức B.

+ Đáp ứng dưới 03 yêu cầu được đánh giá mức C.

- Tài liệu kiểm chứng: Báo cáo kết quả triển khai thực hiện của các cơ quan và kết quả đánh giá của các cơ quan quản lý chuyên ngành và các văn bản có liên quan khác. Trường hợp đơn vị đánh giá mức độ A+, đề nghị có báo cáo giải trình lý do, đề xuất cải tiến cụ thể.

b) Phương pháp đánh giá:

- Cách tính điểm: Mức A+: 3 điểm; mức A: 2 điểm; mức B: 1 điểm; mức C: 0 điểm.

- Điểm tổng = [(Tổng số điểm các nội dung đạt được) : (Tổng số điểm tối đa của tiêu chí)] x 10

4. Tiêu chí 04: Công tác ban hành bộ tiêu chí đánh giá nội bộ và kết quả triển khai thực hiện theo dõi, đánh giá nội bộ (tổng điểm tối đa 10 điểm)

a) Nội dung và nguyên tắc đánh giá

- Ban hành bộ tiêu chí theo dõi đánh giá: 5 điểm; với số điểm thực tế đạt được cụ thể:

+ Bộ tiêu chí có quy định cụ thể các tiêu chí đánh giá nhưng không có định lượng cụ thể thì đạt 3 điểm;

+ Bộ tiêu chí có quy định cụ thể các tiêu chí đánh giá và có định lượng cụ thể thì đạt 5 điểm.

- Tổng hợp kết quả theo dõi định kỳ tối đa không quá 3 điểm; số điểm thực tế đạt được = [Số lần đánh giá : 2] x 3.

- Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ định kỳ các phòng ban, đơn vị trực thuộc tối đa không quá 2 điểm; số điểm thực tế đạt được = $[\text{Số lần đánh giá} : 2] \times 2$.

b) Tài liệu kiểm chứng: Bộ tiêu chí đánh giá nội bộ, biên bản đánh giá của Ban Lãnh đạo (thể hiện được những kết quả đạt được và hạn chế tương ứng) và các hồ sơ văn bản có liên quan khác.

c) Phương pháp đánh giá: Tổng điểm tiêu chí 4 bằng Tổng điểm các nội dung đạt được tại điểm a khoản 4 Điều này.

5. Tiêu chí 05: Kết quả chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính thông qua việc đánh giá việc chấp hành ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, công tác xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền quản lý và công tác xây dựng đoàn kết nội bộ tại đơn vị (tổng điểm tối đa của tiêu chí: Từ âm (-) 10 điểm đến (+) 10 điểm)

a) Nội dung và nguyên tắc đánh giá

- Điểm cộng

- Văn bản biểu dương đối với tập thể: Cộng 2 điểm/văn bản

- Văn bản biểu dương đối với cá nhân: Cộng 1 điểm/cá nhân

Văn bản biểu dương chỉ được xác định tính điểm đối với biểu dương nội dung kết quả đạt được xuất sắc trong tham mưu, triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc đơn vị có các sáng kiến, cải tiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ công vụ.

- Điểm trừ

- Văn bản phê bình hoặc đề nghị rút kinh nghiệm: Trừ 2 điểm/văn bản

- Cá nhân thuộc đơn vị bị xử lý kỷ luật

- + Khiển trách: Trừ 01 điểm/cá nhân

- + Từ cảnh cáo trở lên: Trừ 02 điểm/cá nhân

- Tổ chức bị cơ quan có thẩm quyền quyết định xử lý kỷ luật, cụ thể:

- + Khiển trách: Trừ 05 điểm/trường hợp.

- + Từ cảnh cáo trở lên: Trường hợp tổ chức bị cơ quan có thẩm quyền quyết định xử lý kỷ luật từ mức độ cảnh cáo trở lên thì kết quả thực thi nhiệm vụ năm đánh giá đạt mức không hoàn thành nhiệm vụ.

- + Trường hợp tổ chức bị cơ quan có thẩm quyền quyết định xử lý kỷ luật mức độ khiển trách thì kết quả thực thi nhiệm vụ năm đánh giá không vượt quá mức hoàn thành nhiệm vụ.

- Việc xem xét đánh giá căn cứ vào các văn bản của Đảng hoặc chính quyền; trường hợp vừa có văn bản xử lý của Đảng và chính quyền cùng một sự việc, nội dung thì áp dụng văn bản có mức xử lý cao hơn.

- Nộp hồ sơ đề nghị công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ chậm trễ:

+ Chậm trễ từ 03 đến 05 ngày: Trừ 01 điểm;

+ Chậm trễ từ 06 đến 10 ngày: Trừ 02 điểm;

+ Chậm trễ từ 11 đến 30 ngày (trước ngày 10 tháng 01 năm liền kề sau năm đánh giá): Trừ 05 điểm.

- Đối với việc đánh giá theo trách nhiệm quản lý chuyên ngành, chuyên môn nếu đơn vị thực hiện đánh giá đối với các đơn vị, địa phương không khách quan, không chính xác, không có cơ sở, lý do cụ thể thì trừ 01 điểm.

b) Phương pháp tính điểm: Tổng điểm của Tiêu chí 5 là tổng điểm cộng (+) và điểm trừ (-), đảm bảo không lớn hơn (+) 10 điểm (dương 10 điểm) và không nhỏ hơn (-) 10 điểm (âm 10 điểm).

6. Tổng điểm của đơn vị đạt được bao gồm tổng điểm của 05 tiêu chí quy định tại Điều này.

Điều 9. Tiêu chí, phương pháp và nội dung đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ cuối năm đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tiêu chí 01: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế xã hội và nhiệm vụ quản lý nhà nước (tối đa 40 điểm)

a) Kết quả thực hiện các nhóm chỉ tiêu được giao (tối đa 30 điểm)

a1) Nội dung và nguyên tắc đánh giá:

- Nhóm chỉ tiêu phát triển kinh tế;

- Nhóm chỉ tiêu phát triển giáo dục, đào tạo, khoa học công nghệ và văn hóa, xã hội;

- Nhóm chỉ tiêu về an ninh - quốc phòng - xây dựng bộ máy Nhà nước;

- Nhóm chỉ tiêu về tài nguyên và môi trường.

Chi tiết từng chỉ tiêu cụ thể thực hiện theo quy định của Tỉnh ủy ban hành tiêu chí đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy trực thuộc tỉnh trong việc thực hiện Nghị quyết hàng năm của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

a2) Tài liệu kiểm chứng: Báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế xã hội của địa phương và các báo cáo giải trình có liên quan khác.

a3) Phương pháp đánh giá:

- Việc đánh giá, phân loại được thực hiện theo bốn mức A+, A, B, C cụ thể:

- + Nếu nhóm chỉ tiêu đề ra đều đạt và vượt, đánh giá mức A+.
- + Nếu nhóm chỉ tiêu đề ra có 1 chỉ tiêu không đạt, đánh giá mức A.
- + Nếu nhóm chỉ tiêu đề ra có 2 chỉ tiêu không đạt, tự đánh giá mức B.
- + Nếu nhóm chỉ tiêu đề ra có từ 3 chỉ tiêu không đạt, tự đánh giá mức C.

- Cách tính điểm: Mức A+: 10 điểm; mức A: 7 điểm; mức B: 5 điểm; mức C: 3 điểm.

- Điểm a = $[\text{Tổng điểm đạt được của các chỉ tiêu} : 40] \times 30$

b) Kết quả hoàn thành tham mưu thực hiện các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao (tối đa 10 điểm)

b1) Nội dung và nguyên tắc đánh giá

Kết quả được đánh giá trên kết quả hoàn thành các nhiệm vụ do Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

b2) Tài liệu kiểm chứng: Bảng kê danh sách các nhiệm vụ được giao của đơn vị và kết quả đánh giá hoàn thành nhiệm vụ do Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp.

b3) Phương pháp đánh giá: Điểm b = $[\text{Tổng số nhiệm vụ tham mưu đã hoàn thành} : \text{Tổng số nhiệm vụ tham mưu được giao}] \times 10$

c) Tổng điểm Tiêu chí 1: Điểm a + Điểm b

2. Tiêu chí 02: Đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính (tối đa 30 điểm)

Nội dung và phương pháp thực hiện tương tự như nội dung tại Khoản 2 Điều 8 Quy định này.

3. Tiêu chí 03: Kết quả thực hiện các công tác nội bộ của địa phương (Tổng điểm tối đa 20 điểm)

a) Nội dung và nguyên tắc đánh giá

- Công tác đánh giá kết quả thực hiện các công việc trong nội bộ của địa phương, gồm:

+ Quản lý tài chính, tài sản;

+ Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật; quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật;

- + Lập và thực hiện kế hoạch, quản lý đầu tư, giải ngân vốn đầu tư công;
- + Giải quyết khiếu nại, tố cáo; Phòng chống tham nhũng;
- + Tổng hợp, báo cáo;
- + Quản lý công chức, viên chức; tổ chức bộ máy - biên chế; thi đua khen thưởng, văn thư lưu trữ và tôn giáo; dân vận chính quyền và quy chế dân chủ;
- + Ứng dụng khoa học công nghệ, thực hiện các đề tài, đề án (nếu có);
- + Ứng dụng công nghệ thông tin.

- Cơ quan, đơn vị tự đánh giá kết quả thực hiện các nội dung công tác nội bộ để tự nhận xét; kết quả đánh giá, phân loại theo bốn mức A+, A, B, C trên cơ sở đảm bảo đạt các yêu cầu: Kịp thời; đầy đủ; chất lượng; có theo dõi, báo cáo kết quả và đề xuất cải tiến, cụ thể:

- + Đáp ứng 05 yêu cầu được đánh giá mức A+.
- + Đáp ứng 04 yêu cầu được đánh giá mức A.
- + Đáp ứng 03 yêu cầu được đánh giá mức B.
- + Đáp ứng dưới 03 yêu cầu được đánh giá mức C.

b) Tài liệu kiểm chứng: Báo cáo kết quả triển khai thực hiện của đơn vị và kết quả đánh giá của các cơ quan quản lý chuyên ngành và các văn bản có liên quan khác. Trường hợp đơn vị đánh giá mức độ A+, đề nghị có báo cáo giải trình lý do, đề xuất cải tiến cụ thể.

c) Phương pháp đánh giá:

Cách tính điểm: Mức A+: 3 điểm; mức A: 2 điểm; mức B: 1 điểm; mức C: 0 điểm.

Điểm tổng = [(Tổng số điểm các nội dung đạt được) : (Tổng số điểm tối đa của tiêu chí)] x 20.

Điểm chung tiêu chí là điểm trung bình cộng của điểm đơn vị tự đánh giá và điểm các cơ quan chuyên ngành đánh giá.

4. Tiêu chí 04: Công tác ban hành bộ tiêu chí đánh giá nội bộ và kết quả triển khai thực hiện theo dõi, đánh giá nội bộ (tổng điểm tối đa 10 điểm)

a) Nội dung và nguyên tắc đánh giá

- Ban hành bộ tiêu chí theo dõi đánh giá: 5 điểm; với số điểm thực tế đạt được cụ thể:

+ Bộ tiêu chí có quy định cụ thể các tiêu chí đánh giá nhưng không có định lượng cụ thể thì đạt 3 điểm;

+ Bộ tiêu chí có quy định cụ thể các tiêu chí đánh giá và có định lượng cụ thể thì đạt 5 điểm.

- Tổng hợp kết quả theo dõi định kỳ tối đa không quá 3 điểm; số điểm thực tế đạt được = $[Số\ lần\ đánh\ giá : 2] \times 3$.

- Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ định kỳ các phòng ban, đơn vị trực thuộc tối đa không quá 2 điểm; số điểm thực tế đạt được = $[Số\ lần\ đánh\ giá : 2] \times 2$.

b) Tài liệu kiểm chứng: Bộ tiêu chí đánh giá nội bộ, biên bản đánh giá của Ban Lãnh đạo và các hồ sơ, văn bản có liên quan khác.

c) Phương pháp đánh giá: Tổng điểm tiêu chí 4 bằng Tổng điểm các nội dung đạt được tại điểm a khoản 4 Điều này.

5. Tiêu chí 05: Đánh giá kết quả chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính thực hiện tương tự như nội dung tại Khoản 5 Điều 8 Quy định này.

6. Tổng điểm của đơn vị đạt được bao gồm tổng điểm của 05 tiêu chí quy định tại Điều này.

Điều 10. Tiêu chí, phương pháp, nội dung đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Tiêu chí 01: Kết quả tham mưu thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao (tổng tối đa 60 điểm)

a) Đối với việc thực hiện các đề án, chương trình, kế hoạch theo Chương trình Công tác năm của đơn vị (tối đa 20 điểm)

a1. Nội dung và nguyên tắc đánh giá

- Việc đánh giá, phân loại được thực hiện theo bốn mức A+, A, B, C trên cơ sở đảm bảo đạt năm (05) yêu cầu: Kịp thời; đầy đủ; chất lượng; có rà soát, báo cáo kết quả và đề xuất cải tiến; cụ thể:

+ Đề án, chương trình, kế hoạch đáp ứng 05 yêu cầu được đánh giá mức A+.

+ Đề án, chương trình, kế hoạch đáp ứng 04 yêu cầu được đánh giá mức A.

+ Đề án, chương trình, kế hoạch đáp ứng 03 yêu cầu được đánh giá mức B.

+ Đề án, chương trình, kế hoạch đáp ứng dưới 03 yêu cầu được đánh giá mức C.

- Tài liệu kiểm chứng: Các đề án, chương trình, kế hoạch; báo cáo kết quả triển khai thực hiện của đơn vị; báo cáo giải trình các yêu cầu đạt được và các văn bản khác có liên quan.

a2. Phương pháp đánh giá:

- Cách tính điểm: Mức A+: 3 điểm; mức A: 2 điểm; mức B: 1 điểm; mức C: 0 điểm

- Tổng điểm (a) = $[(\text{Tổng số điểm của các đề án, chương trình, kế hoạch đạt được}) : (\text{Tổng số điểm tối đa của tiêu chí})] \times 20$.

b) Kết quả hoàn thành việc tham mưu thực hiện các nhiệm vụ do Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh giao (tối đa 40 điểm)

b1. Nội dung và nguyên tắc đánh giá

- Kết quả được đánh giá trên kết quả hoàn thành các nhiệm vụ do Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

- Tài liệu kiểm chứng: Bảng kê danh sách các nhiệm vụ được giao của đơn vị và kết quả đánh giá hoàn thành nhiệm vụ do Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp.

b2. Phương pháp đánh giá:

Tổng điểm (b) = $(\text{Tổng số nhiệm vụ tham mưu đã hoàn thành} : \text{Tổng số nhiệm vụ tham mưu được giao}) \times 40$.

c) Tổng điểm Tiêu chí 1 bằng Tổng điểm của mục (a) và mục (b) nêu trên.

2. Tiêu chí 02: Kết quả thực hiện các công tác nội bộ của cơ quan, đơn vị (Tổng điểm tối đa 25 điểm)

a) Nội dung và nguyên tắc đánh giá

- Công tác đánh giá kết quả thực hiện các công việc trong nội bộ của cơ quan, đơn vị, gồm:

+ Quản lý tài chính, tài sản;

+ Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; công tác tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật; quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật;

+ Lập và thực hiện kế hoạch, quản lý đầu tư, giải ngân vốn đầu tư công;

+ Giải quyết khiếu nại, tố cáo; Phòng chống tham nhũng;

+ Quản lý viên chức; tổ chức bộ máy, biên chế; thi đua khen thưởng, văn thư lưu trữ;

- Cơ quan, đơn vị tự đánh giá kết quả thực hiện các nội dung công tác nội bộ để tự nhận xét; kết quả đánh giá, phân loại theo bốn mức A+, A, B, C trên cơ sở đảm bảo đạt các yêu cầu: Kịp thời; đầy đủ; chất lượng; có theo dõi, báo cáo kết quả và đề xuất cải tiến, cụ thể:

+ Đáp ứng 05 yêu cầu được đánh giá mức A+.

+ Đáp ứng 04 yêu cầu được đánh giá mức A.

+ Đáp ứng 03 yêu cầu được đánh giá mức B.

+ Đáp ứng dưới 03 yêu cầu được đánh giá mức C.

- Tài liệu kiểm chứng: Báo cáo kết quả triển khai thực hiện của đơn vị và kết quả đánh giá của các cơ quan quản lý chuyên ngành và các văn bản có liên quan khác. Trường hợp đơn vị đánh giá mức độ A+, đề nghị có báo cáo giải trình lý do, đề xuất cải tiến cụ thể.

b) Phương pháp đánh giá:

- Cách tính điểm: Mức A+: 3 điểm; mức A: 2 điểm; mức B: 1 điểm; mức C: 0 điểm.

- Điểm tổng = [(Tổng số điểm các nội dung đạt được) : (Tổng số điểm tối đa của tiêu chí)] x 25

3. Tiêu chí 03: Công tác ban hành bộ tiêu chí đánh giá nội bộ và kết quả triển khai thực hiện theo dõi, đánh giá nội bộ (tổng điểm tối đa 15 điểm)

a) Nội dung và nguyên tắc đánh giá

- Ban hành bộ tiêu chí theo dõi đánh giá: 8 điểm; với số điểm thực tế đạt được cụ thể:

+ Bộ tiêu chí có quy định cụ thể các tiêu chí đánh giá nhưng không có định lượng cụ thể thì đạt 5 điểm;

+ Bộ tiêu chí có quy định cụ thể các tiêu chí đánh giá và có định lượng cụ thể thì đạt 8 điểm.

- Tổng hợp kết quả theo dõi định kỳ tối đa không quá 4 điểm; số điểm thực tế đạt được = [Số lần đánh giá : 2] x 4.

- Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ định kỳ các phòng ban, đơn vị trực thuộc tối đa không quá 3 điểm; số điểm thực tế đạt được = [Số lần đánh giá : 2] x 3.

b) Tài liệu kiểm chứng: Bộ tiêu chí đánh giá nội bộ, biên bản đánh giá của Ban Lãnh đạo và các hồ sơ, văn bản có liên quan khác.

c) Phương pháp đánh giá: Tổng điểm tiêu chí 03 bằng Tổng điểm các nội dung đạt được tại điểm a khoản 3 Điều này.

4. Tiêu chí 04: Đánh giá kết quả chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính thực hiện tương tự như nội dung tại Khoản 5 Điều 8 Quy định này.

5. Tổng điểm của đơn vị đạt được bao gồm tổng điểm của 04 tiêu chí quy định tại Điều này.

Chương III

QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ VÀ HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ

Điều 11. Quy trình tự đánh giá, phân loại định kỳ của các đơn vị, địa phương

1. Căn cứ bộ tiêu chí đánh giá nội bộ do đơn vị ban hành tại Điều 6 Quy định này, các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Đánh giá, nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của các phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc.

b) Tập thể Ban Lãnh đạo đơn vị họp xem xét, có ý kiến đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị và các phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện công khai kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ cho các cán bộ, công chức tại đơn vị biết.

Điều 12. Quy trình đánh giá chức năng quản lý chuyên ngành

1. Căn cứ tiêu chí đánh giá theo chức năng quản lý chuyên ngành do đơn vị ban hành tại Khoản 3 Điều 7 Quy định này, các cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Các phòng ban, đơn vị trực thuộc của cơ quan, đơn vị được giao chức năng giám sát, đánh giá chuyên ngành quy định tại Khoản 1 Điều 7 Quy định này đánh giá mức độ hoàn thành công vụ chuyên ngành (thuộc chức năng được giao) đối với các cơ quan, đơn vị theo các tiêu chí đánh giá đã được ban hành, công bố.

Mức đánh giá và số điểm cụ thể: Mức A+: 3 điểm; mức A: 2 điểm; mức B: 1 điểm; mức C: 0 điểm.

b) Cơ quan, đơn vị được giao chức năng giám sát, đánh giá chuyên ngành quy định tại Khoản 1 Điều 7 Quy định này tổng hợp điểm của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc đánh giá và xác định điểm chung của cơ quan, đơn vị như sau:

Số điểm chung của đơn vị được đánh giá = (Tổng số điểm của các phòng ban, đơn vị thực hiện đánh giá) : (Số lượng phòng, ban, đơn vị thực hiện đánh giá).

Kết quả phân loại: Mức A+: Từ 2,5 điểm trở lên; mức A: Từ 1,5 điểm đến dưới 2,5 điểm; mức B: Từ 0,5 điểm đến dưới 1,5 điểm; mức C: Dưới 0,5 điểm.

2. Cơ quan, đơn vị được giao chức năng giám sát, đánh giá chuyên ngành trao đổi, thống nhất với các cơ quan, đơn vị được đánh giá trước khi công bố kết quả đánh giá. Kết quả đánh giá phải chỉ rõ những nội dung thực hiện tốt, những nội dung thực hiện chưa tốt để các cơ quan, đơn vị biết để chỉ đạo khắc phục, xử lý kịp thời và công khai kết quả đánh giá theo chức năng quản lý chuyên ngành để các cơ quan, đơn vị địa phương biết.

3. Thời gian đánh giá: Cơ quan, đơn vị tại Khoản 1 Điều 7 Quy định này thực hiện đánh giá và gửi kết quả hoàn thành đánh giá theo chức năng quản lý chuyên ngành về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày 20 tháng 11 hàng năm (đồng thời công khai trên cổng thông tin điện tử của đơn vị để các cơ quan, đơn vị được đánh giá biết).

4. Hồ sơ đánh giá chức năng quản lý chuyên ngành gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh, bao gồm:

- a) Văn bản đánh giá phân loại.
- b) Phiếu đánh giá có nêu rõ những nội dung thực hiện tốt, chưa tốt (theo mẫu Phiếu đánh giá tại Phụ lục 1).
- c) Các tài liệu khác (nếu có).

Điều 13. Quy trình đánh giá, phân loại kết quả hoàn thành nhiệm vụ cuối năm

1. Các sở, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 10 Quy định này tổ chức rà soát, đánh giá lại kết quả thực hiện nhiệm vụ năm và báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày 10 tháng 12 hàng năm.

Đến ngày 10 tháng 01 của năm liền kề sau năm đánh giá, đơn vị không gửi hồ sơ đề nghị đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ thì sẽ đạt mức đánh giá “không hoàn thành nhiệm vụ”.

2. Hồ sơ đề nghị đánh giá, phân loại cả năm, bao gồm:

- a) Tờ trình đề nghị đánh giá phân loại.
- b) Phiếu tự nhận xét có nêu rõ những nội dung thực hiện tốt, chưa tốt (theo mẫu tự đánh giá tại Phụ lục 2, 3 và 4).

c) Biên bản họp của tập thể Ban Lãnh đạo đơn vị, địa phương (có nêu rõ những nội dung thực hiện tốt, chưa tốt).

d) Các tài liệu kiểm chứng khác theo quy định tại Quy định này.

3. Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan, đơn vị thẩm định, tổng hợp kết quả đánh giá của các đơn vị, địa phương. Hoàn thành trước ngày 10 tháng 01 hàng năm kế tiếp năm đánh giá.

4. Tổ chức lấy ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh để đánh giá mức độ hoàn thành công vụ đối với các đơn vị, địa phương. Hoàn thành trước ngày 20 tháng 01 năm kế tiếp năm đánh giá.

5. Sở Nội vụ tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện. Hoàn thành trong tháng 01 của năm kế tiếp năm đánh giá.

Điều 14. Thực hiện đánh giá trên hệ thống phần mềm

Trường hợp thực hiện đánh giá nhiệm vụ trên hệ thống phần mềm, giao Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đảm bảo theo Quy định này.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định đối với từng trường hợp cụ thể phát sinh trong việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các sở, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 16. Trách nhiệm của các sở, ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Quy định này, có trách nhiệm tự đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ định kỳ của đơn vị mình theo Bộ tiêu chí đánh giá nội bộ do thủ trưởng đơn vị ban hành.

2. Thủ trưởng các sở, ngành căn cứ Điều 7 Quy định này ban hành tiêu chí và thực hiện đánh giá đối với các đơn vị, địa phương thuộc thẩm quyền quản lý chuyên ngành theo các quy định nêu trên.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo bộ phận chuyên môn ban hành tiêu chí, thực hiện đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với các phòng, ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và đơn vị sự nghiệp trực thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Đơn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Quy định này đảm bảo mục đích, yêu cầu, nội dung đề ra.

2. Tổng hợp, thẩm định hồ sơ tự đánh giá mức độ hoàn thành công vụ của các đơn vị, địa phương; căn cứ các tiêu chí đánh giá tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận mức độ hoàn thành công vụ của các sở, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định.

3. Theo dõi, tổng hợp ý kiến phản ánh, kiến nghị, đề xuất của các đơn vị, địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này; kịp thời tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung.

4. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý trách nhiệm đối với các đơn vị, địa phương chậm trễ, chưa nghiêm túc trong công tác đánh giá nhiệm vụ hàng năm.

5. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện (nếu có).

6. Căn cứ kết quả đánh giá mức độ thực hiện nhiệm vụ của các sở, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra việc thực hiện đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các đơn vị, địa phương khi có phát sinh phản ánh, kiến nghị liên quan đến nội dung này.

Điều 18. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu gặp khó khăn vướng mắc, đề nghị các đơn vị, địa phương phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

PHỤ LỤC 1
BẢNG BIỂU ĐÁNH GIÁ THEO CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CHUYÊN NGÀNH, CHUYÊN MÔN
(Kèm theo Quyết định số 16 /2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

**I. MẪU BIỂU TỔNG HỢP Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ CỦA CÁC PHÒNG
BAN VÀ ĐIỂM ĐẠT ĐƯỢC**

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
.....(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHIẾU TỔNG HỢP Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ THEO
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CHUYÊN NGÀNH**

STT	Đơn vị được đánh giá	Đánh giá của các phòng ban, đơn vị trực thuộc theo chức năng quản lý chuyên ngành			Tổng điểm đánh giá	Số điểm của đơn vị được đánh giá	Phân loại
		Phòng 1	Phòng 2	Phòng...			
(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Sở A	A	B	A			
2	Sở B						
3	UBND huyện A						
4	UBND huyện B						
...	...						

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ XÁC NHẬN

Ghi chú:

(3): Các cơ quan, đơn vị, địa phương được đánh giá

(4), (5), (6): Xác định cụ thể mức đánh giá các cơ quan, đơn vị, địa phương của từng
phòng, ban thuộc cơ quan đánh giá

Lưu ý: Mức đánh giá của từng phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc đối với từng đơn
vị, địa phương như sau: Mức A+: 3 điểm; mức A: 2 điểm; mức B: 1 điểm; mức C: 0 điểm.

Phương pháp tổng hợp điểm như sau:

Số điểm của đơn vị được đánh giá = (Tổng số điểm của các phòng, ban, đơn vị thực
hiện đánh giá) : (Số lượng phòng, ban, đơn vị thực hiện đánh giá).

Căn cứ tổng điểm đạt được, đơn vị được đánh giá theo chức năng quản lý chuyên
ngành phân loại như sau:

Mức A+: Từ 2,5 điểm trở lên;

Mức A: Từ 1,5 điểm đến dưới 2,5 điểm;

Mức B: Từ 0,5 điểm đến dưới 1,5 điểm;

Mức C: Dưới 0,5 điểm.

Ví dụ: Đơn vị A có 03 phòng chuyên môn thực hiện chức năng quản lý chuyên ngành đối với đơn vị B trong đó Phòng A1 đánh giá A+, Phòng A2 đánh giá A, Phòng A3 đánh giá A. Cách tính điểm như sau:

- Tổng điểm đánh giá = $3 + 2 + 2 = 7$ điểm.
- Số điểm của đơn vị được đánh giá = $7 : 3 = 2.33$ điểm.
- => Phân loại: Mức A (hoàn thành tốt).

II. MẪU BIỂU ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG

UBND TỈNH ĐỒNG NAI

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CHUYÊN NGÀNH,
MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH CÔNG VỤ NĂM.....**

S t t	Địa phương	Nội dung thực hiện tốt	Nội dung thực hiện chưa tốt	Đánh giá xếp loại (Mức A ⁺ , A, B, C)	Lý do đánh giá mức A ⁺	Ghi chú
1	Sở A					
2	Sở B					
3	...					
4	UBND huyện A					
5	UBND huyện B					
6	...					

Ghi chú: Đề nghị nêu rõ những nội dung thực hiện tốt và những nội dung thực hiện chưa tốt, các đề xuất cải tiến, hiệu quả mang lại đánh giá mức độ A+ để làm cơ sở để đơn vị được đánh giá khắc phục hạn chế, phát huy ưu điểm.

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ XÁC NHẬN

PHỤ LỤC 2
MẪU ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ CUỐI NĂM
ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN NGÀNH THUỘC TỈNH
(Kèm theo Quyết định số 16 /2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

UBND TỈNH ĐỒNG NAI **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
SỞ/BAN... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ
MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH CÔNG VỤ NĂM.....

A- TIÊU CHÍ 01. KẾT QUẢ THAM MƯU CÁC ĐỀ ÁN, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH (Tổng 50 điểm)					
I. KẾT QUẢ THAM MƯU XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH THEO CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC NĂM (Tổng 25 điểm)					
Stt	Nội dung	Số yêu cầu đạt	Đánh giá (A ⁺ , A, B, C)	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
1	Đề án				
	Tên đề án 01				
	Tên đề án 02				
	...				
2	Chương trình				
	Tên chương trình 01				
	Tên chương trình 02				
	...				
3	Kế hoạch				
	Tên kế hoạch 01				
	Tên kế hoạch 02				
	...				
Tổng điểm Mục I		[(Tổng số điểm của các đề án, chương trình, kế hoạch đạt được) : (Tổng số điểm tối đa)] x 25			
II. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC TỈNH ỦY, HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIAO (Tổng 25 điểm)					
Stt	Nội dung đánh giá	Số lượng	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú	
1	Tổng số nhiệm vụ được giao				
2	Tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành				
Tổng số điểm đạt được		[(Tổng số nhiệm vụ tham mưu đã hoàn thành) : (Tổng số nhiệm vụ tham mưu được giao)] x 25			
III. TỔNG ĐIỂM TIÊU CHÍ 01		Điểm mục (I) + Điểm mục (II)			

B- TIÊU CHÍ 02. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (Tổng 30 điểm)			
Stt	Nội dung đánh giá	Số điểm đạt được	Ghi chú
1	Tổng số điểm cải cách cách hành chính tự đánh giá		
2	Tổng số điểm đạt được	(Tổng số điểm cải cách hành chính của đơn vị x 30) : 100	

C- TIÊU CHÍ 03. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CÔNG TÁC NỘI BỘ (Tổng 10 điểm)					
Stt	Nội dung	Đánh giá		Lý do đánh giá mức A ⁺	Ghi chú
		Mức độ đánh giá (A ⁺ , A, B, C)	Điểm		
1	Quản lý tài chính, tài sản				
2	Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật; quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật				
3	Lập và thực hiện kế hoạch, quản lý đầu tư, giải ngân vốn đầu tư công (nếu có)				
4	Giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng				
5	Tổng hợp, báo cáo				
6	Quản lý công chức, viên chức; tổ chức - biên chế; quy chế dân chủ; văn thư lưu trữ và thi đua khen thưởng				
7	Ứng dụng khoa học công nghệ, thực hiện các Đề tài, đề án				
8	Ứng dụng công nghệ thông tin				
Tổng điểm Tiêu chí 03		[(Tổng số điểm các nội dung đạt được) : (Tổng số điểm tối đa của tiêu chí)] x 10			

D- TIÊU CHÍ 04. BAN HÀNH BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ NỘI BỘ VÀ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ NỘI BỘ (Tổng 10 điểm)				
Stt	Nội dung	Số điểm đạt được	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
1	Ban hành bộ tiêu chí theo dõi đánh giá			
2	Tổng hợp kết quả theo dõi định kỳ			
3	Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ định kỳ của các phòng ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc			
TỔNG ĐIỂM TIÊU CHÍ 04		Tổng điểm các nội dung đạt được nêu trên		

Đ- TIÊU CHÍ 05. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ KỶ LUẬT KỶ CƯƠNG HÀNH CHÍNH					
ST T	Nội dung	Đánh giá		Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
		Điểm cộng	Điểm trừ		

1					
2					
3					
....					
Tổng điểm Tiêu chí 05			Tổng điểm cộng và điểm trừ		

E- TỔNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ VÀ TỰ XẾP LOẠI CỦA ĐƠN VỊ		
1	Cách tính điểm đánh giá của đơn vị	Điểm Tiêu chí 01 + Tiêu chí 02 + Tiêu chí 03 + Tiêu chí 04 + Tiêu chí 05
2	Tự xếp loại	...

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ XÁC NHẬN

PHỤ LỤC 3

**MẪU ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ CUỐI NĂM
ĐỐI VỚI ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ**

*(Kèm theo Quyết định số 16 /2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

**UBND HUYỆN/THÀNH
PHỐ ...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ
MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH CÔNG VỤ NĂM...**

A - TIÊU CHÍ 01. KẾT QUẢ THỰC HIỆN 04 NHÓM CHỈ TIÊU ĐƯỢC GIAO (Tổng 40 điểm)					
S tt	Nội dung	Chỉ tiêu kế hoạch	Kết quả thực hiện	Đánh giá (Đạt/Không đạt)	Ghi chú
I	KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KTXH NĂM (tổng 30 điểm)				
1	Nhóm chỉ tiêu phát triển kinh tế				
	Chỉ tiêu 01				
	Chỉ tiêu 02				
					
	Tổng điểm nhóm 01				
2	Nhóm chỉ tiêu phát triển giáo dục, đào tạo, khoa học công nghệ và văn hóa, xã hội				
	Chỉ tiêu 01				
	Chỉ tiêu 02				
					
	Tổng điểm nhóm 02				
3	Nhóm chỉ tiêu về an ninh - quốc phòng - xây dựng bộ máy Nhà nước				
	Chỉ tiêu 01				
	Chỉ tiêu 02				
					
	Tổng điểm nhóm 03				
4	Nhóm chỉ tiêu về tài nguyên và môi trường				
	Chỉ tiêu 01				
	Chỉ tiêu 02				
					
	Tổng điểm nhóm 04				
Tổng số điểm đạt được			[(Điểm Nhóm 1 + điểm Nhóm 2 + điểm Nhóm 3 + điểm Nhóm 4): 40] x 30		
II. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC TỈNH ỦY, HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIAO (Tổng 10 điểm)					

Stt	Nội dung đánh giá	Số lượng	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
1	Tổng số nhiệm vụ được giao			
2	Tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành			
Tổng số điểm đạt được		[(Tổng số nhiệm vụ tham mưu đã hoàn thành) : (Tổng số nhiệm vụ tham mưu được giao)] x 10		
III. TỔNG ĐIỂM TIÊU CHÍ 01		Điểm mục (I) + Điểm mục (II)		

B- TIÊU CHÍ 02. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (Tổng 30 điểm)			
Stt	Nội dung đánh giá	Số điểm đạt được	Ghi chú
1	Tổng số điểm cải cách hành chính tự đánh giá		
2	Tổng số điểm đạt được	(Tổng số điểm cải cách hành chính của đơn vị x 30) : 100	

C- TIÊU CHÍ 03. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CÔNG TÁC NỘI BỘ (Tổng 20 điểm)					
Stt	Nội dung	Đánh giá		Lý do đánh giá mức A ⁺	Ghi chú
		Mức độ đánh giá (A ⁺ , A, B, C)	Điểm		
1	Quản lý tài chính, tài sản				
2	Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật; quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật				
3	Lập và thực hiện kế hoạch, quản lý đầu tư, giải ngân vốn đầu tư công (nếu có)				
4	Giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng				
5	Tổng hợp, báo cáo				
6	Quản lý công chức, viên chức; tổ chức - biên chế; quy chế dân chủ, dân vận chính quyền; văn thư lưu trữ; thi đua khen thưởng và tôn giáo				
7	Ứng dụng khoa học công nghệ, thực hiện các đề tài, đề án (nếu có);				
8	Ứng dụng công nghệ thông tin				
Tổng điểm Tiêu chí 03		[(Tổng số điểm các nội dung đạt được) : (Tổng số điểm tối đa của tiêu chí)] x 20			

D- TIÊU CHÍ 04. BAN HÀNH BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ NỘI BỘ VÀ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ NỘI BỘ (Tổng 10 điểm)				
Stt	Nội dung	Số điểm đạt được	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
1	Ban hành bộ tiêu chí theo dõi đánh giá			

2	Tổng hợp kết quả theo dõi định kỳ			
3	Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ định kỳ của các phòng ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc			
Tổng điểm Tiêu chí 04		Tổng điểm các nội dung đạt được nêu trên		

Đ- TIÊU CHÍ 05. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ KỶ LUẬT KỶ CƯƠNG HÀNH CHÍNH					
ST T	Nội dung	Đánh giá		Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
		Điểm cộng	Điểm trừ		
1	...				
2	...				
...					
Tổng điểm Tiêu chí 05		Tổng điểm cộng và điểm trừ			

E- TỔNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ VÀ TỰ XẾP LOẠI CỦA ĐƠN VỊ		
1	Cách tính điểm đánh giá của đơn vị	Điểm Tiêu chí 01 + Tiêu chí 02 + Tiêu chí 03 + Tiêu chí 04 + Tiêu chí 05
2	Tự xếp loại	...

LÃNH ĐẠO ĐỊA PHƯƠNG XÁC NHẬN

PHỤ LỤC 4
MẪU ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ CUỐI NĂM
ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC ỦY BAN NHÂN
DÂN TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

UBND TỈNH ĐỒNG NAI

....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ
MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH CÔNG VỤ NĂM...

A- TIÊU CHÍ 01. KẾT QUẢ THAM MƯU CÁC ĐỀ ÁN, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH (Tổng 60 điểm)					
I. KẾT QUẢ THAM MƯU XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH THEO CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC NĂM (Tổng 20 điểm)					
Stt	Nội dung	Số yêu cầu đạt	Đánh giá (A ⁺ , A, B, C)	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
1	Đề án				
	Tên đề án 01				
	Tên đề án 02				
	...				
2	Chương trình				
	Tên chương trình 01				
	Tên chương trình 02				
	...				
3	Kế hoạch				
	Tên kế hoạch 01				
	Tên kế hoạch 02				
	...				
Tổng điểm Mục I		[(Tổng số điểm của các đề án, chương trình, kế hoạch đạt được) : (Tổng số điểm tối đa)] x 20			
II. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC TỈNH ỦY, HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIAO (Tổng 40 điểm)					
Stt	Nội dung đánh giá	Số lượng	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú	
1	Tổng số nhiệm vụ được giao				
2	Tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành				
Tổng số điểm đạt được		[(Tổng số nhiệm vụ tham mưu đã hoàn thành) : (Tổng số nhiệm vụ tham mưu được giao)] x 40			
III. TỔNG ĐIỂM TIÊU CHÍ 01		Điểm mục (I) + Điểm mục (II)			

H. ĐỒNG

B- TIÊU CHÍ 03. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CÔNG TÁC NỘI BỘ (Tổng 25 điểm)					
Stt	Nội dung	Đánh giá		Lý do đánh giá mức A ⁺	Ghi chú
		Mức độ đánh giá (A ⁺ , A, B, C)	Điểm		
1	Quản lý tài chính, tài sản				
2	Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; công tác tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật; quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật				
3	Lập và thực hiện kế hoạch, quản lý đầu tư, giải ngân vốn đầu tư công (nếu có)				
4	Giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng				
5	Quản lý viên chức; tổ chức - biên chế; quy chế dân chủ; văn thư lưu trữ và thi đua khen thưởng				
Tổng điểm Tiêu chí 03		[(Tổng số điểm các nội dung đạt được) : (Tổng số điểm tối đa của tiêu chí)] x 25			

C- TIÊU CHÍ 04. BAN HÀNH BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ NỘI BỘ VÀ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ NỘI BỘ (Tổng 15 điểm)				
Stt	Nội dung	Số điểm đạt được	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
1	Ban hành bộ tiêu chí theo dõi đánh giá			
2	Tổng hợp kết quả theo dõi định kỳ			
3	Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ định kỳ của các phòng ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc			
Tổng điểm Tiêu chí 04		Tổng điểm các nội dung đạt được nêu trên		

D- TIÊU CHÍ 05. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ KỶ LUẬT KỶ CƯƠNG HÀNH CHÍNH					
ST T	Nội dung	Đánh giá		Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
		Điểm cộng	Điểm trừ		
1	...				
2	...				
...					
Tổng điểm Tiêu chí 05		Tổng điểm cộng và điểm trừ			

Đ- TỔNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ VÀ TỰ XẾP LOẠI CỦA ĐƠN VỊ		
1	Cách tính điểm đánh giá của đơn vị	Điểm Tiêu chí 01 + Tiêu chí 02 + Tiêu chí 03 + Tiêu chí 04
2	Tự xếp loại	...

LÃNH ĐẠO ĐỊA PHƯƠNG XÁC NHẬN